

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN ĐỀ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN-LẦN 1
Học kỳ 1, năm học 2023 - 2024

Mã học phần: 71ACCT30213

Tên học phần: Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo

Mã nhóm lớp học phần: 231- 71ACCT30213_01,02,03

Thời gian làm bài (phút/ngày): 60 phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

SV được tham khảo tài liệu: Sinh viên được tham khảo tài liệu giấy

Cách thức nộp bài phần tự luận (Giảng viên ghi rõ yêu cầu): SV gõ trực tiếp trên khung trả lời của hệ thống thi;

Format đề thi:

- Font: Times New Roman

- Size: 13

- Tên các phương án lựa chọn: in hoa, in đậm

- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)

- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A

- Phần tự luận liền sau phần trắc nghiệm

- Đáp án phần tự luận: in đậm, màu đỏ

Phần I: Trắc nghiệm (6đ)

Câu 1: Nội dung nào dưới đây không thuộc định nghĩa về kiểm toán?

A. Được thực hiện trên cơ sở cân đối giữa lợi ích và chi phí.

B. Là quá trình thu thập và đánh giá bằng chứng.

C. Nhằm báo cáo mức độ phù hợp giữa đối tượng được kiểm tra và các chuẩn mực được thiết lập.

D. Được thực hiện bởi các kiểm toán viên đủ năng lực và độc lập.

ANSWER: A

Câu 2: Thí dụ nào sau đây không phải là kiểm toán tuân thủ:

A. Kiểm toán 1 phân xưởng mới thành lập để đánh giá hiệu quả hoạt động và đề xuất biện pháp cải tiến.

B. Kiểm toán các đơn vị phụ thuộc về việc thực hiện các quy chế của Tổng công ty.

C. Kiểm toán của cơ quan thuế đối với các doanh nghiệp.

D. Kiểm toán một doanh nghiệp theo yêu cầu của ngân hàng về việc chấp hành các điều khoản của hợp đồng tín dụng.

ANSWER: A

Câu 3: Khi rủi ro kiểm toán duy trì ở mức thấp chấp nhận được, rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát được đánh giá là cao thì:

- A. Rủi ro phát hiện sẽ thấp.
- B. Rủi ro phát hiện sẽ tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên.
- C. Rủi ro phát hiện sẽ cao.
- D. Rủi ro phát hiện sẽ không bị ảnh hưởng.

ANSWER: A

Câu 4: Trong quan hệ giữa tính đầy đủ và thích hợp của bằng chứng kiểm toán, phát biểu nào sau đây là sai:

- A. Số lượng bằng chứng kiểm toán không chịu ảnh hưởng bởi chất lượng bằng chứng.
- B. Số lượng bằng chứng kiểm toán chịu ảnh hưởng bởi chất lượng bằng chứng.
- C. Nhiều bằng chứng không có nghĩa là chất lượng bằng chứng được đảm bảo.
- D. Cả 3 phương án đều sai.

ANSWER: A

Câu 5: Thí dụ nào dưới đây là rủi ro kiểm soát:

- A. Các nhân viên không tuân thủ quy định của đơn vị.
- B. Giám đốc và kế toán trưởng được trả lương theo lợi nhuận.
- C. Thiếu các thử nghiệm kiểm soát cần thiết.
- D. Sử dụng các thủ tục kiểm toán không phù hợp với mục tiêu kiểm toán.

ANSWER: A

Câu 6: Kiểm toán viên gửi thư xác nhận đến khách hàng của đơn vị được kiểm toán là thu thập bằng chứng bằng phương pháp:

- A. Xác nhận.
- B. Tính toán.
- C. Quan sát.
- D. Phân tích.

Câu 7: Thủ tục nào dưới đây kiểm toán viên không áp dụng khi thực hiện thử nghiệm kiểm soát:

- A. Xác nhận
- B. Quan sát
- C. Kiểm tra tài liệu
- D. Phỏng vấn

ANSWER: A

Câu 8: Kế toán của đơn vị đã không cài mật khẩu cho phần mềm kế toán trên máy tính nên các nhân viên khác có thể sửa dữ liệu trong đó. Tình huống này liên quan đến loại rủi ro gì?

- A. Rủi ro kiểm soát

- B. Rủi ro phát hiện
- C. Rủi ro tiềm tàng
- D. Rủi ro kiểm toán

ANSWER: A

Câu 9: Trong kiểm toán báo cáo tài chính, trách nhiệm của kiểm toán viên là thiết kế và thực hiện 1 cuộc kiểm toán để là báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu.

- A. đảm bảo 1 cách hợp lý
- B. đảm bảo 1 cách tuyệt đối
- C. đảm bảo 1 cách chính xác
- D. cam kết

ANSWER: A

Câu 10: Kiểm toán tuân thủ là loại kiểm toán nhằm đánh giá sự tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán trong lập và trình bày báo cáo tài chính, phát biểu này:

- A. Sai
- B. Đúng

ANSWER: A

Câu 11: Ví dụ nào sau đây là rủi ro phát hiện:

- A. Thư xác nhận các khoản phải thu không phát hiện sai sót trọng yếu.
- B. Giám đốc và kế toán trưởng được trả lương theo lợi nhuận.
- C. Thiếu các thử nghiệm kiểm soát cần thiết.
- D. Các khoản chi quỹ không được xét duyệt đúng.

ANSWER: A

Câu 12: Việc chứng kiến kiểm kê tiền mặt của đơn vị sẽ cung cấp bằng chứng chủ yếu về:

- A. Sự hiện hữu của tiền mặt vào thời điểm kiểm kê.
- B. Sự hiện hữu của khoản mục tiền trên báo cáo tài chính.
- C. Sự hiện hữu của tài sản trên báo cáo tài chính.
- D. Sự hiện hữu của nguồn vốn trên báo cáo tài chính.

ANSWER: A

Câu 13: Trong hệ thống kiểm soát nội bộ, bộ phận nào yêu cầu “Sự giám sát độc lập của Hội đồng quản trị (độc lập với người quản lý và giám sát việc thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ)”?

- A. Môi trường kiểm soát.
- B. Hoạt động kiểm soát.
- C. Giám sát.
- D. Đánh giá rủi ro.

ANSWER: A

Câu 14: Việc chứng kiến kiểm kê tài sản cố định của đơn vị sẽ cung cấp bằng chứng chủ yếu về:

- A. Sự tồn tại của tài sản cố định vào thời điểm kiểm kê.
- B. Sự chính xác của giá trị tài sản cố định hiện có.
- C. Tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của đơn vị.
- D. Tài sản cố định được trình bày hợp lý.

ANSWER: A

Câu 15: Tuy đã có bằng chứng xác đáng nhưng khách hàng vẫn từ chối điều chỉnh giảm một khoản doanh thu trị giá 10 triệu đồng. Kiểm toán viên cho rằng đây là một vấn đề không trọng yếu và không ảnh hưởng lan tỏa đối với báo cáo tài chính nên sẽ đưa ra:

- A. Ý kiến chấp nhận toàn phần
- B. Ý kiến ngoại trừ
- C. Ý kiến từ chối
- D. Ý kiến kiểm toán trái ngược

ANSWER: A

Câu 16: Trong chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, nguyên tắc đạo đức nào sẽ “Phải thẳng thắn và trung thực trong tất cả các mối quan hệ chuyên môn và kinh doanh. Chuẩn mực đó cũng yêu cầu việc hành xử một cách công bằng và đáng tin cậy”?

- A. Chính trực.
- B. Tư cách nghề nghiệp.
- C. Khách quan.
- D. Năng lực chuyên môn và tính thận trọng.

ANSWER: A

Câu 17: Kiểm toán viên (KTV) phải từ chối đưa ra ý kiến khi KTV không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán và KTV kết luận rằng những ảnh hưởng có thể có của các sai sót chưa được phát hiện (nếu có) có thể là trọng yếu và không lan tỏa đối với BCTC, câu phát biểu này:

- A. Sai
- B. Đúng

ANSWER: A

Câu 18: Khi kiểm toán khoản mục “nợ phải thu khách hàng”, kiểm toán viên gửi thư xác nhận cho khách hàng của đơn vị được kiểm toán và nhận được phản hồi đồng ý về số nợ đó, đây là bằng chứng chủ yếu về:

- A. Khoản phải thu đó là có thực.
- B. Khả năng thu hồi được khoản phải thu đó.
- C. Khoản phải thu đó được đánh giá đúng.
- D. Khoản phải thu đó được trình bày và thuyết minh trên báo cáo tài chính đúng quy định.

ANSWER: A

Câu 19: Khi kiểm toán viên thu thập được hai bằng chứng từ hai nguồn khác nhau cho kết quả khác biệt trọng yếu, kiểm toán viên nên:

- A. Thu thập bổ sung bằng chứng và đánh giá để kết luận xem là nên dựa vào bằng chứng nào.
- B. Thu thập thêm bằng chứng thứ ba và kết luận theo nguyên tắc đa số đúng hơn thiểu số.
- C. Dựa vào bằng chứng có độ tin cậy cao hơn.
- D. Nên hỏi ý kiến của chuyên gia.

ANSWER: A

Câu 20: Việc xuất hiện “Vấn đề cần nhấn mạnh” trong báo cáo kiểm toán cho thấy:

- A. Ý kiến của kiểm toán viên không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh.
- B. Ý kiến của kiểm toán viên bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh.
- C. Kiểm toán viên gặp khó khăn trong việc thu thập bằng chứng kiểm toán.

D. Kiểm toán viên không thể đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính.

ANSWER: A

Phần II: Tư luận (4 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính của công ty ABC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/20XX, kiểm toán viên phát hiện tình huống sau:

Trong tháng 3/20XX, Công ty có ghi nhận nhằm giá trị chưa thuế VAT của một hóa đơn liên quan đến chi phí tiếp khách vào khoản phải thu khác (giá trị chưa thuế VAT là 10.000.000 đồng; thuế VAT 10%) Khoản chi phí này được thanh toán bằng tiền mặt.

Cho biết:

- Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.
- Công ty kê khai thuế Giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Yêu cầu:

- Xác định ảnh hưởng của sai sót trên đến Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 20XX.
- Thực hiện các bút toán điều chỉnh nếu có cho sai sót trên.

Đáp án:

Xác định ảnh hưởng đến bảng BCKQKD: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2đ

-Chi phí QLDN: -10tr

-LN trước thuế: +10tr

-Thuế TNDN: +2 (10*20%)

- LN sau thuế: +8 (10-20)

Xác định ảnh hưởng đến bảng CĐKT: mỗi chỉ tiêu đúng 0,2đ

- LN chưa phân phối: +8tr

- Thuế TNDN: +2

- Phải thu khác: +10

Thực hiện bút toán điều chỉnh

1. Nợ TK 642 10

Có TK 138 10 0,4đ

2. N3334/C8211 2 0,1đ

3. N421/911 8 0,1đ

Câu 2: (2 điểm)

Dưới đây là một bảng liệt kê các loại sai phạm có thể xảy ra trong doanh nghiệp. Hãy cho biết thủ tục kiểm soát và thử nghiệm kiểm soát tương ứng đối với từng trường hợp. (nêu tối đa 2 thủ tục/thử nghiệm cho mỗi sai phạm)

1. Sai phạm có thể xảy ra: Hàng đã xuất bán nhưng không được ghi chép
→ Thủ tục kiểm soát: ?
→ Thử nghiệm kiểm soát: ?
2. Sai phạm có thể xảy ra: Thủ quỹ tự ý chi tiền
→ Thủ tục kiểm soát: ?
→ Thử nghiệm kiểm soát: ?

Đáp án:

1. Sai phạm có thể xảy ra: Hàng đã xuất bán nhưng không được ghi chép
→ Thủ tục kiểm soát: Hàng tuần đối chiếu giữa sổ kho và sổ nợ phải thu/ sổ tiền/sổ dthu 0.5đ
→ Thử nghiệm kiểm soát: thu thập tất cả các biên bản đối chiếu và chọn mẫu kiểm tra các biên bản đối chiếu 0.5đ
2. Thủ quỹ tự ý chi tiền
→ Thủ tục kiểm soát: quy định khi thủ quỹ chi tiền phải có phiếu chi có chữ ký ký duyệt của cấp có thẩm quyền. 0.5đ

→ Thử nghiệm kiểm soát: kiểm tra các phiếu chi tiền mặt xem có chữ ký duyệt của cấp thẩm quyền hay không 0.5đ

Hết.

Ngày biên soạn: 10/11/23

Giảng viên biên soạn đề thi: Ths. Nguyễn Thị Phước

ThS. Tạ Duy Khánh

Ngày kiểm duyệt: 13/11/23

Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi: ThS. Phan Minh Nguyệt

- Sau khi kiểm duyệt đề thi, Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhất Linh (0918.01.03.09).